TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 328/2019/QĐ-PT	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đặng Văn Ý

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 83/2018/QĐST - HC ngày 31 tháng 10 năm 2018.

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã căn cứ vào Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g, khoản 1 Điều 143, Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc *"*Khởi kiện đối với hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi 20.000m^2 đất tại ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không đền bù, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là trái pháp luật", giữa:

N*gười khởi kiện:* Ông Vy Văn L, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

N*gười bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện X

Địa chỉ: số 151, Quốc lộ 55, thị trấn P1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B

Địa chỉ: số 01 đường Đ, phường P2, thành phố B1,tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: số 256 Đường 27/4, phường P2, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Công ty Cổ phần H1

Địa chỉ: số 60B đường T, phường Đ1, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 13/11/2018, ông Vy Văn L kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 83/2018/QĐST - HC ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đề nghị hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số số 83/2018/QĐST - HC ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

XÉT THẤY:

[1] Theo Quyết định 548/QĐ-UBT ngày 06/05/1985 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ2, có nội dung:

- Điều 1: Nay thành lập nông trường cao su của tỉnh, tách từ Nông trường H2 ở huyện X trực thuộc Công ty cao su Đ2 và lấy tên là Nông trường cao su H2 II trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ2.

Nông trường là một đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản ở Ngân hàng và được sử dụng con dấu riêng để giao dịch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao.

- Điều 2: Nông trường cao su H2 II có diện tích tự nhiên 6.000 ha (trong đó có 2.400 ha nằm trong khu vực dự kiến cho Trường bắn quốc gia phía đông bắc). Trong những năm đầu nông trường chỉ thực hiện trong phạm vi diện tích 3.600 ha, không làm qua khu vực 2.400 ha nói trên.

[2] Ngày 03/5/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh B có Quyết định số 777/QĐ-UBT về việc thu hồi 500 ha đất tại xã H, B3, huyện X mà trước kia giao cho Nông trường cao su H2 II để trồng mới cây cao su theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, có nội dung:

Điều 1: Nay thu hồi 500ha đất rừng hoang tại xã H, B3, huyện X do trước kia giao cho Nông trường cao su H2 II để trồng cao su, và giao toàn bộ 500ha trên cho Công ty C để trồng mới cây cao su theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (Vị trí, ranh giới đất thu hồi va giao trên theo sơ đồ đất tỷ lệ 1/50.000 do Công ty C lập ngày 03/3/1994).

[3[Quá trình thực hiện Quyết định số 777/QĐ-UBT, hộ ông L và các hộ dân tại xã H, B3 khiếu nại cho rằng Công ty C đã thu hồi diện tích 103 ha đất của các hộ dân nằm ngoài diện tích 500ha đất theo Quyết định 777.

[4] Giải quyết khiếu nại:

[4.1] Ngày 23 tháng 5 năm 1995, Ủy ban nhân dân tỉnh B (BR-VT) có Quyết định số 460/QĐ-UBT (QĐ 460) về việc giải quyết đơn khiếu nại của một số hộ dân xã H, huyện X, có nội dung:

- Không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân đòi hỏi yêu sách đền bù đất, hoa màu nằm trong khu vực 500ha đất thu hồi tại xã H, huyện X, vì các hộ dân đến phá rừng, bao chiếm đất, sang nhượng trái phép đất do Nhà nước quản lý.

- Buộc các hộ dân có những hành vi trên phải tự giải tỏa, di chuyển trả lại đất cho đơn vị được giao đất sử dụng.

- Diện tích 500ha đất thu hồi ở xã H, huyện X là đất rừng do nhà nước quản lý, đã được quy hoạch để trồng cao su.

[4.2] Ngày 01 tháng 6 năm 1995, Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT có Quyết định số 504/QĐ-UBT về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ dân không chấp hành Quyết định số 460/QĐ-UBT ngày 23/5/1995 của UBND tỉnh BR-VT.

Không đồng ý với Quyết định 460, các hộ dân tiếp tục khiếu nại.

[4.3] Ngày 12 tháng 4 năm 1996, Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT có Quyết định số 807/QĐ-UBT về việc "giải quyết đường ranh giới đất giữa Công ty C với xã H, huyện X". Theo đó công nhận đường ranh giới giữa Công ty C và xã H, huyện X trên diện tích 3.600 ha theo Quyết định 216/QĐ-UBT ngày 13/5/1994.

[4.4] Ngày 20 tháng 8 năm 2001, Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT có Quyết định số 6520/QĐ-UBT về việc "giải quyết vụ 85 hộ dân xã H, B3 khiếu nại việc Công ty C thu hồi 103 ha nằm ngoài diện tích 500 ha theo Quyết định số 777/QĐ-UBT ngày 03/5/1994 của UBND tỉnh BR-VT", đã kết luận:

- Diện tích thực tế giải tỏa, thu hồi tại xã H, huyện X được Công ty C bàn giao đưa vào Xí nghiệp liên doanh V là 580 ha (trong biên bản bàn giao 603 ha), vượt so với Quyết định 777/QĐ-UBT ngày 03/5/1994 về việc thu hồi 500 ha tại xã H, B3, huyện X giao cho Công ty C để trồng mới cây cao su là 80 ha. Tuy nhiên diện tích 580 ha này *đều nằm trong diện tích 3.600 ha* trước đây – ngày 06/5/1983 UBND tỉnh Đ2 có Quyết định số 548/QĐ-UBT giao cho Nông trường cao su H2 II quản lý, sử dụng và cũng nằm trong ranh giới đất Nông trường cao su H2 II được xác định tại Quyết định 807 ngày 12/4/1996 của UBND tỉnh BR-VT.

- Việc nhân dân tự ý bao chiếm, xâm canh trên diện tích đất trước đây UBND tỉnh Đ2 giao cho Nông trường cao su H2 II không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, không kê khai đăng ký, đóng thuế cho Nhà nước là sai quy định của Luật Đất đai 1988, 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai (11/12/1998).

- Quyết định số 460/QĐ-UB ngày 23/5/1995 của UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của một số hộ dân xã H, huyện X về thu hồi 500 ha trồng cao su là đúng với chính sách pháp luật của nhà nước.

Từ đó đã quyết định:

- Không chấp nhận việc khiếu nại của 85 hộ dân xã H, B3, huyện X (có danh sách kèm theo) về việc Công ty C thu hồi 103 ha (thực tế 80 ha) nằm ngoài diện tích 500 ha theo Quyết định 777/QĐ-UBT ngày 03/5/1994 của

UBND tỉnh B, yêu cầu trả lại phần đất thu hồi vượt, đòi bồi thường thỏa đáng về thiệt hại đất và hoa màu, tài sản có trên đất vì không đủ cơ sở xem xét giải quyết.

- Việc các hộ dân tự ý xâm chiếm đất trong vườn cây cao su của Xí nghiệp cao su B4 (nay thuộc Công ty TNHH S) là vi phạm pháp luật Nhà nước.

[4.5] Ngày 18 tháng 10 năm 2001, Thanh tra nhà nước (nay là Thanh tra Chính Phủ) có Văn bản số 903/TTNN-XKT về việc "báo cáo giải quyết một số vụ khiếu nại – tố cáo của công dân trên địa bàn huyện X, tỉnh B" có nội dung: *"Thanh tra nhà nước nhận thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các ngành các cấp trong tỉnh quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện giải quyết đúng phương pháp , phù hợp với chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước."*

Như vậy, khiếu nại của các hộ dân đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết, nhưng vẫn không đồng ý.

[5] Hành vi thu hồi, cưỡng chế thu hồi đất đã xảy ra từ năm 1995,1996 và khiếu nại của ông L đã được UBND tỉnh B giải quyết. Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng ông L cũng không thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền trong thời hạn luật định.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày người khởi kiện nhận được hoặc biết được quyết định hành chính.

Ngày 15/4/2018 ông L mới khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện X là đã hết thời hiệu khởi kiện. Ông L cho rằng đã khiếu nại liên tục nên không tính thời hiệu là không phù hợp với các quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH2 của Quốc Hội và quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 83/2018/QĐST - HC ngày 31 tháng 10 năm 2018 do thời hiệu khởi kiện đã hết là đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 83/2018/QĐST - HC ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp đề nghị.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Không chấp nhận kháng cáo của ông Vy Văn L.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 83/2018/QĐST - HC ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Ông Vy Văn L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
-VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (3);
- Lưu (5) 18b (QĐ - LVD)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương